

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 23/6/2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HOÁ - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Nga;
Ông Đỗ Khắc Kiếm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện VKSND thành phố Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 238/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2023 về “ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2020/QĐXX-ST ngày 12 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị C, sinh năm 1980.

Nơi thường trú: phố Tân T, phường Đ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: khu phố Toàn T, thị trấn Rừng Th, huyện Đông S, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1969.

Nơi thường trú: phố Tân T, phường Đ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên tòa có mặt chị C, anh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, được bổ sung tại bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Lê Thị C trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn K kết hôn với nhau năm 2002, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đông T, huyện Đông

S, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, ngoài ra anh Khiêm còn không quan tâm đến gia đình, vợ, con. Mâu thuẫn vợ chồng chị căng thẳng nhất từ tháng 2/2022, anh chị đã sống ly thân nhau từ đó cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Vợ chồng chị đã nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng mâu thuẫn không được giải quyết mà ngày càng trầm trọng hơn. Mâu thuẫn của vợ chồng chị đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay chị C xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn K.

Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là cháu Nguyễn Văn Minh H, sinh ngày 12/10/2003 và cháu Nguyễn Văn N, sinh ngày 24/7/2006. Hiện nay cháu H đã thành niên nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cháu N cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung với chị.

Về tài sản, công nợ chung: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Văn K trình bày:

Về hôn nhân: Anh K thống nhất với lời khai của chị C về thời gian, điều kiện kết hôn. Theo anh K sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống hạnh phúc đến tháng 02 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn của anh chị là do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thi thoảng có cãi nhau. Mâu thuẫn căng thẳng nhất từ ngày 08/3/2023, chị C đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng anh đã sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Mâu thuẫn của vợ chồng anh đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Nay anh K xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên chị C làm khởi kiện ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh có hai con chung như chị C trình bày. Tại bản tự khai ngày 13/4/2023, về phần con chung anh K đề nghị Tòa án nếu ly hôn thì giao cháu Nguyễn Văn N, sinh ngày 24/7/2006 cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, anh không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con chung với anh. Hiện nay cháu Nguyễn Văn Minh H, sinh ngày 12/10/2003 đã thành niên nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, về hôn nhân chị C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, anh K đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật; về phần con chung chị C và anh K thống nhất ly hôn giao cháu N cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng, chị C cấp

dưỡng nuôi con chung với anh K mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 7/2023 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi, cháu H đã thành niên nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; về phần tài sản, công nợ chung: anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn, bị đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Về yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Đây là tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn và bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Thanh Hóa. Vì vậy việc Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị C và anh K kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Tuy anh chị khai chưa thống nhất với nhau về thời điểm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thời gian vợ chồng sống ly thân nhưng cả hai đều thừa nhận đời sống chung của vợ chồng đã nảy sinh mâu thuẫn từ lâu, nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh chị đã có thời gian sống ly thân nhau. Mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay chị C yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh K còn anh K không đồng ý ly hôn và có nguyện vọng vợ chồng quay về đoàn tụ để nuôi dạy con cái. Quá trình xác minh tại địa phương thể hiện, cuộc sống vợ chồng giữa chị C và anh K có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn đúng như trình bày của anh chị. Như vậy có thể khẳng định tình cảm vợ chồng và đời sống chung giữa chị C và anh K không còn, quan hệ hôn nhân chỉ là hình thức, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng có quay về đoàn tụ thì cuộc sống cũng không hạnh phúc. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị C là phù hợp với thực trạng diễn biến quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh K và cũng phù hợp với pháp luật được quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4]. Về con chung: Chị C và anh K có hai con chung là cháu Nguyễn Văn Minh H, sinh ngày 12/10/2003 và cháu Nguyễn Văn N, sinh ngày 24/7/2006.

Hiện nay cháu H đã thành niên nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quá trình hòa giải tại Tòa án và tại phiên tòa, chị C và anh K thống nhất nếu ly hôn sẽ giao cháu N cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng, chị C cấp dưỡng nuôi con chung với anh K mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 7/2023 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Việc giao con cho ai nuôi dưỡng cần xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Xét thấy anh K tuy là lao động tự do nhưng có thu nhập và chỗ ở ổn định, kể từ khi anh chị sống ly thân cho đến nay, cháu N do anh K nuôi dưỡng và đảm bảo tốt về mọi mặt, cháu N cũng có nguyện vọng được ở với bố. Chị C hiện nay là công nhân may, thu nhập ổn định 5.400.000 đồng/tháng, đủ điều kiện để cấp dưỡng nuôi con như anh chị đã thỏa thuận. Căn cứ vào Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, có cơ sở để chấp nhận thỏa thuận của chị C và anh K về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[5]. Về tài sản, công nợ chung: Chị C và anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[6]. Về án phí: Chị C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng định kỳ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 điều 273, Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị C được ly hôn anh Nguyễn Văn K.

Về con chung: Chị C và anh K có hai con chung là cháu Nguyễn Văn Minh H, sinh ngày 12/10/2003 và cháu Nguyễn Văn N, sinh ngày 24/7/2006. Hiện nay cháu H đã thành niên nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ly hôn giao cháu N cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng, chị C cấp dưỡng nuôi con chung với anh K mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 7/2023 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Chị C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản, công nợ chung: Chị C, anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Lê Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng định kỳ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp theo biên lai số AA/2021/0002871 ngày 21/3/20223 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thanh Hóa, chị C phải nộp 300.000 đồng.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP Thanh Hóa;
- UBND xã Đông T, huyện Đông S, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thu Phương

